

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST

Ngày: 15-01-2026

V/v “Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh;

2. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 894/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 613/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Quyết T, sinh năm: 1985; căn cước công dân: 072085007473 do Bộ C cấp ngày 29/8/2025; địa chỉ: Số H, đường số D, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1981; địa chỉ: S đường G, khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1982; căn cước công dân: 072182004866 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 12/6/2022; địa chỉ: Số D, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20-10-2025 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án của người đại diện chị Lê Thị Kiều D trình bày:

Anh Phạm Quyết T và chị Nguyễn Thị Mỹ L là chỗ quen biết nhau nên ngày 20/7/2023 anh T có cho chị L mượn số tiền 453.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, chị L hứa trong thời hạn 01 năm sẽ trả tiền lại cho anh T; nhưng khi đến hạn chị L không thực hiện việc trả tiền cho anh T. Nay anh T yêu cầu chị L trả số tiền 453.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/7/2024 đến ngày 15/01/2026 (xét xử) là 17 tháng 25 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng số tiền là 66.051.000 đồng.

- Bị đơn tại bản tự khai ngày 13-01-2026 của chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Năm 2017 chị có quen biết anh Phạm Quyết T, sau đó có gợi ý cho chị mượn tiền với lãi suất 4%/ tháng, kêu chị viết giấy nợ cho bạn anh T tên D1. Năm 2023 chị bị bế nợ, anh T gặp chị và yêu cầu chị viết giấy nợ mới với tên người cho mượn là anh T và hứa bỏ giấy tờ cũ của người bạn tên D1; số tiền chị mượn là 350.000.000 đồng, còn số tiền 103.000.000 đồng là tiền hụi chị chơi và nợ của chị anh T. Do chị bế nợ lăm vào hoàn cảnh khó khăn nên hiện tại không thể thanh toán nợ của anh T trong lúc này; việc anh T yêu cầu tính lãi số tiền đang nợ chị không đồng ý, vì số tiền 350.000.000 đồng chị mượn từ năm 2017 đã đóng lãi thời gian dài cho đến lúc bế nợ. Nay chị đồng ý trả nợ gốc 350.000.000 đồng và số tiền hụi 103.000.000 đồng. Tổng cộng là 453.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quyết T; buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L1 có trách nhiệm trả cho anh Phạm Quyết T số tiền 453.000.000 đồng vốn và tiền lãi tính từ ngày 21/7/2024 đến ngày 15/01/2026 (xét xử) là 17 tháng 25 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng số tiền là 66.051.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Do là chỗ quen biết nhau nên ngày 20/7/2023 anh Phạm Quyết T có cho chị Nguyễn Thị Mỹ L mượn số tiền 453.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, chị L hứa trong thời hạn 01 năm sẽ trả tiền lại cho anh T; nhưng khi đến hạn chị L không thực hiện. Nay anh T yêu cầu chị L trả số tiền 453.000.000 đồng vốn gốc và tính lãi từ ngày 21/7/2024 đến ngày 15/01/2026 (xét xử) là 17 tháng 25 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng số tiền là 66.051.000 đồng.

[2.1] Chị L thừa nhận đồng ý trả nhưng cho rằng số tiền trên trước đây chị đã viết giấy nợ cho bạn anh T tên D1. Năm 2023 chị bị bề nợ, anh T gặp chị và yêu cầu chị viết giấy nợ mới với tên người cho mượn là anh T và hứa bỏ giấy tờ cũ của người bạn tên D1; số tiền chị mượn là 350.000.000 đồng, còn số tiền 103.000.000 đồng là tiền hụi chị chơi và nợ của chị anh T.

[2.2] Xét thấy: Tại phiên tòa chị D là người đại diện cho anh T trình bày trước đó chị L có mượn tiền của anh T nhưng đến ngày 20/7/2023 hai bên gút nợ chị L viết giấy mượn tiền và xin trong thời hạn một năm không tính lãi sẽ trả tiền cho anh T. Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023 nội dung thể hiện chị Nguyễn Thị Mỹ L có mượn của anh Phạm Quyết T số tiền 453.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 20/7/2023 đến ngày 20/7/2024; cam kết trả gốc đúng hạn, nếu có gì gian dối không thực hiện đúng như giấy mượn tiền xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án chị L không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh; đồng thời thừa nhận và đồng ý trả số tiền 453.000.000 đồng. Do đó có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quyết T đối với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

[3] Xét về chứng cứ: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn chị D xác định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng. Do đó có cơ sở xác định chứng cứ trong vụ án là đúng sự thật.

[4] Xét đối với yêu cầu tính lãi của anh T: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D là người đại diện cho anh T trình bày khi anh T cho chị L mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, chị L hứa với anh T trong thời hạn 01 năm sẽ trả tiền lại cho anh T và xin không tính lãi nên giấy mượn tiền không ghi lãi; nhưng đến hạn chị L không thực hiện. Nay yêu cầu tính lãi từ ngày 21/7/2024 đến ngày 15/01/2026 (xét xử) là 17 tháng 25 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng số tiền

là 66.051.000 đồng.

Xét thấy: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023 nội dung thể hiện chị Nguyễn Thị Mỹ L có mượn của anh Phạm Quyết T số tiền 453.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 20/7/2023 đến ngày 20/7/2024; cam kết trả gốc đúng hẹn, nếu có gì gian dối không thực hiện đúng như giấy mượn tiền xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật; chị L khai là trước đó đã trả lãi thời gian dài đến khi bế nợ, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh. Do đó số tiền lãi được tính từ tính từ ngày 21/7/2024 đến ngày 15/01/2026 (xét xử) là 17 tháng 25 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng số tiền 66.051.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quyết T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L; buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L trả cho anh Phạm Quyết T số tiền 453.000.000 đồng vốn gốc và 66.051.000 đồng tiền lãi.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 24.762.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh T không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.060.000 đồng theo biên lai thu số: 0009510 ngày 27-10-2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quyết T đối với chị Nguyễn Thị Mỹ L; buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L trả cho anh Phạm Quyết T số tiền 519.051.000 đồng (trong đó 453.000.000 đồng vốn gốc và 66.051.000 đồng tiền lãi).

2. Án phí sơ thẩm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 24.762.000 đồng.

- Hoàn trả cho anh Phạm Quyết T tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.060.000 đồng theo biên lai thu số: 0009510 ngày 27-10-2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày Phạm Quyết T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Mỹ L chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho anh T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PGĐKT TA tỉnh;
- VKSND KV10-TN;
- THADS KV10-TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Mã số hồ sơ: 02.D01.149.10.720561

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phan Tuyến